

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ- ST
Ngày 17-4-2020
V/v ly hôn và nuôi con chung
sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Bích Thủy
- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 06-3-2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18-3-2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 06/TB ngày 31-3-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bé Thị L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L- Yên Bái- Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Hoàng Đức Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L- Yên Bái - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 10 tháng 01 năm 2020 nguyên đơn chị Bé Thị L trình bày: Chị L và anh Hoàng Đức Q kết hôn với nhau ngày 27-7-2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, Huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q hay uống rượu về nhà hành hạ chửi mắng đánh đập chị L nhiều lần. Chị L đã từng viết đơn lên Tòa án để giải

quyết ly hôn nhưng đã rút đơn để đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị L xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị L và anh Q có một con chung, tên là Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04-5-2016. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Hoàng Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chị Bé Thị L được ly hôn anh Hoàng Đức Q; giao cháu Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04-5-2016 cho L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Bé Thị L và anh Hoàng Đức Q kết hôn với nhau ngày 27-7-2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, Huyện L, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 2 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q hay uống rượu về nhà hành hạ chửi mắng đánh đập chị L nhiều lần. Chị L đã

từng viết đơn lên Tòa án để giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn để đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị L xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Tại biên bản xác minh ngày 04-3-2020 của bà Nguyễn Thị S, trưởng thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái nơi chị L và anh Q cư trú, sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh Q là do anh Q hay rượu chè về nhà chửi mắng đánh đập chị L. Hiện nay chị L và anh Q đã sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị L và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị L được ly hôn anh Q.

{4} *Về con chung*: Chị L và anh Q có một con chung tên là Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04-5-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu T còn nhỏ, hiện nay đang ở cùng chị L. Mặt khác chị L có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Nên đề nghị của chị L là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế được chấp nhận, Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu Hoàng Cẩm T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 273, 280 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Chị Bé Thị L được ly hôn anh Hoàng Đức Q.

2- *Về con chung xử*: Giao cháu Hoàng Cẩm T, sinh ngày 04-5-2016 cho chị Bé Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Đức Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- *Về án phí*: Chị Bé Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0004684 ngày 16-12-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo*:

- Chị Bé Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

- Anh Hoàng Đức Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
- UBND xã M
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh